

Số: /GPMT-UBND Phú Thọ, ngày tháng 01 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở sản xuất bia, rượu, nước giải khát và thạch rau câu của Công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Viger tại phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Viger tại Văn bản số 03/CV-VIBECO ngày 04 tháng 01 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 35/TTr-TNMT ngày 12/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Viger, địa chỉ trụ sở chính tại khu 7, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “sản xuất bia, rượu, nước giải khát và thạch rau câu” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: sản xuất bia, rượu, nước giải khát và thạch rau câu.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu 7, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2600103843, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/3/2017.

1.4. Mã số thuế: 2600103843.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát, thạch rau câu.

1.6. Phạm vi, quy mô dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích 16.371,4m² tại khu 7, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm C (theo tiêu chí phân loại dự án của Luật Đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thuộc dự án đầu tư nhóm I theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: dây chuyền sản xuất bia 15.000.000 lít/năm; dây chuyền sản xuất rượu Vodka Viger 1.500.000 lít/năm; dây chuyền sản xuất nước giải khát và nước tinh khiết 5.000.000 lít/năm; dây chuyền sản xuất thạch rau câu 1.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Viger có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Thực hiện các nội dung đã cam kết về bảo vệ môi trường và lộ trình di dời theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1214/QĐ-TTg ngày 30/7/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2030.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 7 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Sở TN&MT;
- CVP, các PCVP;
- UBND thành phố Việt Trì;
- Công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Viger;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-14b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.
- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp.
- Nguồn số 03: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực sản xuất.
- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất bia.
- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất nước giải khát và nước tinh khiết.
- Nguồn số 06: nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất thạch rau câu.
- Nguồn số 07: nước thải phát sinh từ bãi chứa tro xỉ, cát sạn (nước mưa chảy tràn qua bãi chứa tro xỉ, cát sạn).
- Nguồn số 08: nước xả đáy lò hơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Một dòng nước thải là nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, sau đó xả vào hệ thống thu gom, thoát nước chung của thành phố Việt Trì.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước chung của thành phố Việt Trì.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm xả vào hệ thống thu gom, thoát nước chung của thành phố Việt Trì, góc bên phải phía Bắc Nhà máy.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2356918; Y: 569668 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 288 m³/ngày đêm.

- a) Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức.

- b) Chế độ xả nước thải: liên tục (24h/ngày đêm).

- c) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_f = 1,1$ và $K_q = 0,9$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 - 9	3 tháng/lần
2	Nhiệt độ	°C	40	
3	Độ màu	Pt/Co	150	
4	COD	mg/l	148,5	
5	BOD ₅	mg/l	49,5	
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99	
7	Asen	mg/l	0,099	
8	Thủy ngân	mg/l	0,0099	
9	Chì	mg/l	0,495	
10	Cadimi	mg/l	0,099	
11	Crom (VI)	mg/l	0,099	
12	Crom (III)	mg/l	0,99	
13	Đồng	mg/l	1,98	
14	Kẽm	mg/l	2,97	
15	Niken	mg/l	0,495	
16	Mangan	mg/l	0,99	
17	Sắt	mg/l	4,95	
18	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9	
19	Sunfua	mg/l	0,495	
20	Florua	mg/l	9,9	
21	Amoni (Tính theo N)	mg/l	9,9	
22	Tổng nitơ	mg/l	39,6	
23	Tổng photpho (Tính theo P)	mg/l	5,94	
24	Clorua	mg/l	990	
25	Clo dư	mg/l	1,98	
26	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 2 bể tự hoại; nước thải rửa chân tay qua song chắn rác; nước thải nhà bếp được thu gom, xử lý sơ bộ bằng song chắn rác và 01 hồ ga tách dầu mỡ. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ phân xưởng sản xuất bia, thạch rau câu, nước giải khát và nước tinh khiết được thu gom theo hệ thống đường ống PVC đường kính Φ 900mm dẫn vào hồ ga có lưới chắn rác (B×L×H = (300 x 700 x 200)mm) bố trí bên ngoài nhà xưởng. Nước thải từ hồ ga tiếp tục đi ngầm ra rãnh thu gom nước thải xây gạch (B×H = (750 x 950)mm) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 800 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Các công trình xử lý nước thải:

- 2 bể tự hoại (1 bể tại khu văn phòng và 1 bể tại khu sản xuất, thể tích 7 m³/bể).

- 1 Bể tách dầu mỡ (thể tích 1,25 m³).

- 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm gồm các bể xử lý thể tích lần lượt: bể gom (73,44 m³), bể điều hòa (146,88 m³), bể chứa trung gian (73,56 m³), bể phản ứng (8,55 m³), bể tạo bông lắng (17,1 m³), bể lắng cấp I (96 m³), bể sinh học yếm khí (58 m³), bể sinh học hiếu khí (270 m³), bể lắng cấp II (30 m³), bể lọc cát (12,6 m³). Bể chứa bùn (31,8 m³).

- 1 công trình, thiết bị xả nước thải lưu lượng tối đa 288 m³/ngày đêm gồm 2 bể chứa nước thải, dung tích 22,50 m³/bể.

b) Tóm tắt quy trình xử lý nước thải tập trung:

Nước thải {(nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh → bể tự hoại) + (nước thải nhà ăn → song chắn rác → bể tách dầu mỡ) + (nước rửa chân tay → song chắn rác)} → bể gom → bể điều hòa → bể chứa trung gian → bể phản ứng → bể tạo bông lắng → bể lắng cấp I → bể sinh học yếm khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng cấp II → bể lọc cát → công trình thiết bị xả thải (hệ thống có 1 bể chứa bùn) → mương thoát nước chung của khu vực.

c) Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung: 800 m³/ngày đêm.

d) Hóa chất sử dụng: Poly Aluminium Chloride (Al₂O₃); vôi bột công nghiệp Ca(OH)₂; CaCO₃.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại do công trình xử lý chất thải của cơ sở không thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần (Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường) quy định tại điểm h, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; thực hiện quan trắc định kỳ đã đề xuất, được cấp phép, trường hợp có thay đổi phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải phát sinh từ lò hơi (lò hơi đốt than đá 5 tấn/giờ và lò hơi dự phòng đốt nhiên liệu sinh khối 3 tấn/giờ).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Một dòng khí thải, tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải, tọa độ: X: 2356926; Y: 569577 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/h.

2.3. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức, gián đoạn.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_v = 0,6$ và $K_p = 1$), cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-	3 tháng/lần
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	
3	Cacbon Oxit, CO	mg/Nm ³	600	
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510	
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	300	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí, bụi thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom bằng hệ thống ống dẫn bằng thép, sau đó được quạt hút công suất 10.000 m³/h dẫn về hệ thống xử lý hấp thụ ướt bằng dung dịch kiềm (nước vôi trong), sau đó thoát ra ngoài qua 1 ống khói.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

a) Công trình xử lý khí thải lò hơi:

- Công trình xử lý khí thải lò hơi gồm: 1 hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi gồm có: 1 tháp hấp thụ (đường kính x chiều cao = (0,6 x 1)m); 1 bể chứa nước đập bụi và hấp thụ khí thải (dung tích 7,2 m³); 01 bể cấp nước vôi (dung tích 7,2 m³), 1 bơm nước (công suất 1,5 kW); 1 ống khói đường kính 500mm, cao 18m.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: bụi, khí thải lò hơi → quạt hút → tháp hấp thụ → ống khói.

Ống khói phải có điem (cửa) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/h.

- Hóa chất sử dụng: vôi bột công nghiệp Ca(OH)₂; CaCO₃.

b) Công trình xử lý thu hồi bụi máy nghiền gạo, malt:

Bụi phát sinh từ học nhập nguyên liệu, đầu gầu tải, bộ phận nạp liệu vào máy xay, nghiền sẽ được các miệng hút hút về cyclon lắng bụi để lắng sơ bộ, thu hồi bụi lớn. Sau đó bụi được quạt hút dẫn vào thiết bị lọc túi vải, bụi được giữ lại trên bề mặt thiết bị và sau mỗi thời gian 3 - 7 giây, túi lọc được giữ bằng xung khí nén để hoàn nguyên túi vải lọc (khí nén dùng để giữ bụi được phân phối bởi ống gom khí nén và được thổi vào trong từng túi, khí nén làm căng túi vải làm cho bụi bật khỏi túi vải rơi xuống phễu gom bụi). Bụi được thu hồi đem làm cám thức ăn chăn nuôi, phần bụi thu hồi từ các thiết bị sàng, xử lý tạp chất nguyên liệu được thu gom vào bao và xử lý cùng chất thải sinh hoạt.

c) Công trình xử lý thu hồi CO₂ trong quá trình lên men:

Lượng CO₂ sinh ra từ tank lên men được đưa vào bình khử bọt để tách khí. Sau đó CO₂ được làm sạch qua tháp rửa nước tuần hoàn phun áp lực cao để làm sạch CO₂ trước khi đưa vào máy nén CO₂ hai cấp để nén CO₂ và sau đó được đưa qua bộ làm nguội và đưa qua bộ khử mùi bằng than hoạt tính và tháp hấp thụ làm khô để được CO₂ tinh khiết. Sau đó khí CO₂ được đưa vào hệ thống hóa lỏng bằng máy nén NH₃ để hóa lỏng trước khi đưa vào bình chứa CO₂ lỏng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại do công trình xử lý chất thải của cơ sở không thay đổi so với Giấy phép môi trường thành phần (Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường) quy định tại điểm h, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Thực hiện quan trắc định kỳ đã đề xuất, được cấp phép, trường hợp có thay đổi phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

3.3. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: dây chuyền sản xuất nước giải khát.
- Nguồn số 02: dây chuyền sản xuất bia.
- Nguồn số 03: máy nén khí CO₂.
- Nguồn số 04: máy làm lạnh.
- Nguồn số 05: máy nghiền Malt, gạo.
- Nguồn số 06: máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

Không tập trung, phân tán tại khu vực có dây chuyền sản xuất, máy nén khí, máy nghiền, máy làm lạnh, máy phát điện dự phòng, khu vực có hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm.

- Nguồn số 01: X = 2356940; Y = 569609.
- Nguồn số 02: X = 2356887; Y = 569579.
- Nguồn số 03: X = 2356874; Y = 569571.
- Nguồn số 04: X = 2356852; Y = 569575.
- Nguồn số 05: X = 2356864; Y = 569673.
- Nguồn số 06: X = 2356972; Y = 569683.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lắp đặt hệ thống giảm thanh cho các thiết bị gây tiếng ồn lớn như hệ thống truyền động, bơm, máy nén khí... Lắp đặt các thiết bị chống rung, bộ móng gia cố chắc chắn nhằm hạn chế độ rung của thiết bị.

- Thành lập bộ phận cơ khí định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị, tra dầu mỡ cho động cơ để giảm thiểu tiếng ồn.

- Đối với khu vực sản xuất lắp đặt vách ngăn nhựa lấy ánh sáng đồng thời giảm lan truyền ồn giữa các khu và khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	12	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	70	17 02 03
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	16	18 01 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	80	18 02 01
Tổng số		178	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn gồm bã bia, bao bì đựng nguyên liệu, tro xỉ từ lò hơi, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, cặn xử lý khí thải, chai thủy tinh, giấy, kết nhựa... Tổng khối lượng: 2.700 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Phát sinh chủ yếu bao gồm các chất hữu cơ dễ phân huỷ phát sinh từ khu văn phòng, nhà ăn với khối lượng 14,6 tấn/năm (tương đương 40 kg/ngày).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa: 10 thùng phi, dung tích 200 lít/thùng.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 33m².

- Thiết kế, cấu tạo: thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài

khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: chứa trong kho.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 80m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho kết cấu móng bê tông cốt thép, tường bao xây gạch, mái bít tôn kín, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa: 10 thùng nhựa, dung tích từ 100 lít/thùng.

b) Kho lưu chứa: không bố trí kho chứa, chuyên giao luôn trong ngày.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.